

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025;

Thực hiện Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 270/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố 15 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Xây dựng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- TT TH-CB, P.HC-TC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, K6, K14, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Cơ quan thực hiện
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Sở Xây dựng
2	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
3	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
4	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp tỉnh)	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
5	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Sở Xây dựng
6	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị (<i>quy hoạch chung thành phố, thị xã, thị trấn, đô thị mới</i>); quy hoạch chung xây dựng khu chức năng	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
7	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng (Cấp tỉnh).	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
8	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp tỉnh)	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
9	Phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan
Tổng cộng: 09 TTHC		

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Cơ quan thực hiện
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện.
2	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.	Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện
3	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp huyện)	Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện.
4	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện.
5	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng (Cấp huyện)	Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện.
6	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp huyện)	Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện.
	Tổng cộng: 06 TTHC	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC LĨNH VỰC LĨNH VỰC XÂY DỰNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản chủ trương điều chỉnh quy hoạch (trong trường hợp điều chỉnh tổng thể quy hoạch).

- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;
- + Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;
- + Bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.
- + Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện,

quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 5, 24 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại nhiệm vụ quy hoạch). Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 5, 24 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại nhiệm vụ quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản chủ trương điều chỉnh quy hoạch (trong trường hợp điều chỉnh tổng thể quy hoạch).

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

+ Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định

số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy phân khu đô thị, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản chủ trương điều chỉnh quy hoạch (trong trường hợp điều chỉnh tổng thể quy hoạch).

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch (khoản 4 Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009).

+ Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (*gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch*)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày (đối với quy hoạch phân khu đô thị), 15 ngày (đối với quy hoạch phân xây dựng khu chức năng) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*chưa kể thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch*).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh*).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;
- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

4. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 11, 28, 35 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

(theo từng loại nhiệm vụ quy hoạch). Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 11, 28, 35 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại nhiệm vụ quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản chủ trương điều chỉnh quy hoạch (trong trường hợp điều chỉnh tổng thể quy hoạch).

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

+ Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày (đối với nhiệm vụ quy hoạch đô thị), 15 ngày (đối với

nhiệm vụ quy hoạch xây dựng) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*chưa kể thời gian phê duyệt của UBND các cấp*).

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế (*theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh*).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

5. Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;

- + Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- + Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan;
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;
- + Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
 - Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu

chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

6. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị (quy hoạch chung thành phố, thị xã, thị trấn, đô thị mới); quy hoạch chung xây dựng khu chức năng

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 7, 8, 25 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch). Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 7, 8, 25 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ

qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

+ Bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

+Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế (theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

7. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng (Cấp tỉnh).

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 10, Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch). Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 10, Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- + Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;
- + Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
- + Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- + Các phụ lục tính toán kèm theo;
- + Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan.
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;
- + Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế (theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;
- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

8. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp tỉnh).

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ,

tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 12, 13, 29, 30, 36 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch). Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 12, 13, 29, 30, 36 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*chưa kể thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch*).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế (*theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh*).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư số của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

9. Thủ tục Phê duyệt Đề án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

a) Trình tự xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở

**. Tại cấp thôn và tương đương (viết tắt là cấp thôn)*

- Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã phối hợp Trưởng thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đến các hộ dân; lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở;

- Trên cơ sở danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, tổ chức bình xét, đề xuất danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ về nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD) gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, rà soát. Cuộc họp bao gồm Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đại diện của các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thôn; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát;

- Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín).

** Tại cấp xã*

- Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được đề xuất hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày;

- Hết thời hạn niêm yết công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, thẩm định, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở.

Sau 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp phải điều chỉnh lại danh sách thì phải phê duyệt lại và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD); gửi Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp phát sinh khiếu nại, tố cáo trong quá trình phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ về nhà ở thì việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Buu chính hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ: Không quy định.

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện: Công chức được giao nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan.

g) Kết quả thực hiện: Đề án được phê duyệt

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có nhà ở hoặc nhà ở thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là nền - móng, khung - tường, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc).

+ Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ nghèo, hộ cận nghèo nhỏ hơn 8m².

+ Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc tổ chức xã hội khác.

I) Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 33 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 33 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch;

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt của UBND cấp huyện).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đề án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm

định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản chủ trương điều chỉnh quy hoạch (trong trường hợp điều chỉnh tổng thể quy hoạch).

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch (khoản 4 Điều 20 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009).

+ Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày (đối với quy hoạch phân khu đô thị), 15 ngày (đối với quy hoạch phân xây dựng khu chức năng) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện (theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư số của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;
- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp huyện)

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ,

tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 11, 28, 35 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại nhiệm vụ quy hoạch). Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 11, 28, 35 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại nhiệm vụ quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản chủ trương điều chỉnh quy hoạch (trong trường hợp điều chỉnh tổng thể quy hoạch).

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

+ Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày (đối với nhiệm vụ quy hoạch đô thị), 15 ngày (đối với nhiệm vụ quy hoạch xây dựng) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*chưa kể thời gian phê duyệt của UBND các cấp*).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện (*theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh*).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư số của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

4. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

- + Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;
- + Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
- + Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- + Các phụ lục tính toán kèm theo;
- + Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan.
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;
- + Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt của UBND cấp huyện).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đề án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

5. Thủ tục thẩm định đề án, đề án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch phân khu chức năng (Cấp huyện).

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 10, Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đề án quy hoạch). Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 10, Điều 27 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (chưa kể thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện (theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;
- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

6. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp huyện).

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ,

tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 12, 13, 29, 30, 36 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch). Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 12, 13, 29, 30, 36 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (theo từng loại đồ án quy hoạch).

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ;

+ Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;

+ Các phụ lục tính toán kèm theo;

+ Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*chưa kể thời gian phê duyệt đồ án quy hoạch*).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý quy hoạch trực thuộc UBND cấp huyện (*theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh*).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc Hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc Hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

- Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định.
